

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có nhu cầu mua sắm hàng hóa cho các xét nghiệm của Viện Pasteur TP. HCM, mời các đơn vị quan tâm tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Lê Cẩm Tú

- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế

- Số điện thoại: 0949486302

- Địa chỉ email: lecamtu031197@gmail.com - tulc@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận online (qua website muasamcong.mpi.gov.vn)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17 giờ ngày 30/9/2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chất thử thí nghiệm: Proteus mirabilis derived from ATCC® 35659™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cây chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tẩm bông)	Bộ	1
2	Chất thử thí nghiệm: Staphylococcus capitis subsp. capitis derived from ATCC® 35661™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cây chuyển ≤ 3	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn	Bộ	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	nguyên và que cấy tằm bông)		
3	Chất thử thí nghiệm: Neisseria gonorrhoeae derived from ATCC® 31426™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
4	Chất thử thí nghiệm: Enterococcus casseliflavus derived from ATCC® 700327™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
5	Chất thử thí nghiệm: Staphylococcus saprophyticus derived from ATCC® BAA-750™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
6	Chất thử thí nghiệm: Enterobacter hormaechei derived from ATCC® 700323™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
7	Chất thử thí nghiệm: Stenotrophomonas maltophilia derived from ATCC® 17666™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
8	Chất thử thí nghiệm: Eikenella corrodens derived from ATCC® BAA-1152™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
9	Chất thử thí nghiệm: Candida albicans derived from ATCC® 14053™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: nấm Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn	Bộ	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	nguyên và que cấy tằm bông)		
10	Chất thử thí nghiệm: <i>Candida parapsilosis</i> derived from ATCC® 22019™	Mức độ an toàn sinh học 1 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: nấm Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
11	Chất thử thí nghiệm: <i>Issatchenkia orientalis</i> derived from ATCC® 6258™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: nấm Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
12	Chất thử thí nghiệm: <i>Klebsiella pneumoniae</i> derived from ATCC® BAA-1705™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
13	Chất thử thí nghiệm: <i>Klebsiella pneumoniae</i> derived from ATCC® BAA-2814™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: IVDR của EU Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
14	Chất thử thí nghiệm: <i>Acinetobacter baumannii</i> derived from NCTC 13304	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
15	Chất thử thí nghiệm: <i>Escherichia coli</i> derived from NCTC 13353	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cấy chuyển ≤ 3	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đồng khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1

STT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.			
16	Chất thử thí nghiệm: Staphylococcus aureus subsp. aureus derived from ATCC® 43300™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cây chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1
17	Chất thử thí nghiệm: Haemophilus influenzae derived from ATCC® 49766™	Mức độ an toàn sinh học 2 Phương pháp thử nghiệm: xét nghiệm độ nhạy với kháng sinh, định danh vi sinh vật Tiêu chuẩn và hướng dẫn: Viện Tiêu chuẩn Phòng xét nghiệm Lâm sàng (CLSI) Phân loại: vi khuẩn Sản phẩm có số đời cây chuyển ≤ 3 Hạn sử dụng tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận hàng.	Bộ/ 2 que (mỗi que bao gồm 1 viên đông khô, khoang dung dịch hoàn nguyên và que cấy tằm bông)	Bộ	1

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Kho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – 167 Pasteur, P.Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 – 48 giờ đối với hàng có sẵn, 04 – 08 tuần đối với hàng không có sẵn.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn tài chính. Hồ sơ thanh toán bao gồm: hóa đơn, biên bản giao hàng, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ của hàng hóa (nếu có). Trường hợp Viện nhận thiếu các hồ sơ nêu trên thì thời gian thanh toán được tính từ khi nhà cung cấp bổ sung đầy đủ các chứng từ cho Viện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục

Mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	...											
2												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 của yêu cầu báo giá]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.